

Số: **06** /2024/NQ-HĐND

Vinh Phúc, ngày **11** tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan,
tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vinh Phúc**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính
phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý
đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn
nhà thầu;*

*Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại
các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vinh Phúc; Báo cáo
thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

6

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các địa phương tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 09 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2024.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ: Tài chính, Kế hoạch đầu tư; Nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Thường trực các huyện, thành ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;
- Thường trực Đảng ủy; Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;
- Báo Vĩnh Phúc; Đài Phát thanh - Truyền hình, Cổng Thông tin điện tử tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chánh, Phó Văn phòng, Chuyên viên Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu VT, CTHĐND (01).T (100b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hải



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Phúc

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số **06**/2024/NQ-HĐND
ngày **11** tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định:

a) Mua sắm tài sản công thuộc dự toán mua sắm; mua sắm tài sản thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý; điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

c) Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

d) Phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác, quyết định thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư.

2. Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (bao gồm cả phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu) được áp dụng cho cả mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác được quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam (trừ việc mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động, thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua

sắm từ ngân sách nhà nước tại văn phòng huyện ủy, thành ủy và đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện).

4. Ngoài các quy định cụ thể tại Quy định này, việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; trình tự, thủ tục mua sắm và các nội dung khác thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức và cá nhân được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi và đơn vị, tổ chức khác có liên quan đến phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là phương tiện vận tải của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Đối với nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước.

- Cấp tỉnh:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm các tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có giá trị mua sắm từ 3.000 triệu đồng trở lên cho một gói (hoặc lần) mua sắm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 3.000 triệu đồng cho một gói (hoặc lần) mua sắm của cơ quan mình; Từ 500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng cho một gói (hoặc lần) mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

+ Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán trực thuộc Sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng cho một gói (hoặc lần) mua sắm.

2

- Cấp huyện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên, của cấp xã từ 1.000 triệu đồng trở lên cho một gói (hoặc lần) mua sắm.

+ Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định: Mua sắm tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng đối với một gói (hoặc lần) mua sắm.

- Cấp xã:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 1.000 triệu đồng đối với một gói (hoặc lần) mua sắm.

b) Đối với nguồn thu từ phí được để lại sử dụng, quỹ bảo hiểm y tế, thu hoạt động sự nghiệp, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định (nếu có): Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc mua sắm.

3. Thẩm quyền mua sắm tài sản thuộc các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm các tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có giá trị từ 3.000 triệu đồng cho một gói (hoặc lần) mua sắm tài sản trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới 3.000 triệu đồng cho một gói (hoặc lần) mua sắm tài sản; mua sắm tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của tỉnh có giá trị dưới 500 triệu đồng cho một gói (hoặc lần) mua sắm;

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng cho một gói (hoặc lần) mua sắm.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thuê trụ sở làm việc:

a) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động trong phạm vi nguồn dự toán kinh phí được giao sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: Người đứng đầu đơn vị quyết định thuê tài sản theo quy định.

2. Thuê tài sản khác:

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định phù hợp với tiêu chuẩn, định mức, chế độ hiện hành.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công sau đây:

a) Trụ sở làm việc và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý.

b) Phương tiện vận tải là ô tô, xe máy chuyên dùng, cano, tàu, thuyền, phà của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý; tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với những tài sản không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định:

a) Điều chuyển đất, tài sản gắn liền với đất, các phương tiện vận tải là ô tô, xe máy chuyên dùng, cano, tàu, thuyền, phà của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh quản lý;

b) Các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán trên 2.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; giữa cơ quan đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, giữa các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định:

Điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; giữa cơ quan đơn vị cấp tỉnh và cấp huyện, giữa các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trực thuộc (bao gồm cả cấp xã), (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản trong các trường hợp:

a) Trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất). Đối với tài sản là trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất có giá trị từ 30.000 triệu đồng trở lên (tính theo bảng giá đất), Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi quyết định bán;

7

- b) Phương tiện vận tải là ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà;
- c) Các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng đến dưới 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định bán tài sản của cơ quan mình và các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản công đối với tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc và tài sản là các công trình trên đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 2.000 triệu đồng trở lên;

b) Phương tiện vận tải là ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà có nguyên giá ghi trên sổ sách từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

c) Các tài sản khác (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 1.000 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc và tài sản là các công trình trên đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 1.000 triệu đồng đến dưới 2.000 triệu đồng;

b) Phương tiện vận tải là ô tô, xe máy chuyên dùng, ca nô, tàu, thuyền, phà có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản;

c) Các tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đến dưới 1.000 triệu đồng /01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản của cơ quan mình và các đơn vị trực thuộc:

a) Trụ sở làm việc và tài sản là các công trình trên đất của cơ quan mình và các đơn vị trực thuộc có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 1.000 triệu đồng;

b) Tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan mình và từ 300 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các đơn vị trực thuộc.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị mình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc và tài sản là các công trình trên đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (bao gồm cả cấp xã);

b) Các tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cấp huyện; từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của cấp xã.

6. Thủ trưởng các đơn vị thuộc cấp huyện quyết định thanh lý tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị mình.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản khác có nguyên giá ghi trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của cơ quan, đơn vị mình.

8. Trường hợp trong một lần thanh lý nhiều loại tài sản và từng loại tài sản thuộc thẩm quyền thanh lý khác nhau:

a) Trong trường hợp các loại tài sản thuộc thẩm quyền thanh lý tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản;

b) Trong trường hợp các tài sản thuộc thẩm quyền thanh lý tài sản của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh thì Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản.

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy: cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định tiêu hủy.

2. Đối với tài sản nhà nước bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Thủ trưởng cơ quan có tài sản ra quyết định tiêu hủy.

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Đối với tài sản công bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan tổ chức, đơn vị: Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm thì cơ quan đó ra quyết định xử lý.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc cấp tỉnh quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc cấp huyện, cấp xã quản lý; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện có liên quan.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền xử lý tài sản là kết quả của dự án (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản)

Việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các tài sản là kết quả của dự án sử dụng vốn nhà nước (trong trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng tài sản) thực hiện theo nội dung quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Quy định này.

Điều 13. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa.

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho địa phương theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giải thể.

e) Tài sản chuyển giao cho địa phương theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

Điều 14. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu:

7

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu; tài sản do Cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cơ quan đơn vị cấp tỉnh, địa phương quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản này);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện và cấp xã quyết định tịch thu có giá trị dưới 100 triệu đồng/đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao cho Sở Tài chính; tài sản do cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch có giá trị từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan điều tra, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án cấp huyện chuyển giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế.

Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế thì quyết định phê duyệt phương án xử lý.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Thẩm quyền phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thuộc cấp huyện quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thuộc cấp huyện quản lý.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, giữa cấp tỉnh và cấp huyện, giữa cấp huyện với cấp huyện khi có thay đổi về địa giới hành chính, trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 26 Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thuộc cấp huyện quản lý (trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này).

4. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý (trừ tài sản được quy định tại điểm b, khoản này);

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất, mặt nước;

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn liền với đất, mặt nước đối với các công trình thuộc cấp huyện quản lý.

5. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi đối với các công trình thuộc cấp huyện quản lý.

6. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các công trình thuộc cấp tỉnh quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các công trình thuộc cấp huyện quản lý.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với việc mua sắm, xử lý tài sản công đang trong quá trình thực hiện, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì sẽ được tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

1

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác có liên quan thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Khoa học và Công nghệ; Luật Đấu thầu; Luật Thủy lợi; Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản mới đó. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

2